

Bản án số: 76/2019/HSST
Ngày 13 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên toà: Bà Khương Thị Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên toà:
Ông Nguyễn Công Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2019/TLST-HS ngày ngày 01 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Xuân T, sinh ngày 29/12/1991, tại tỉnh V

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn T, xã X, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Nguyễn Xuân T1; mẹ đẻ: Nguyễn Thị S; vợ: Khổng Thị Y (đã ly hôn năm 2013); con: có 01 con sinh năm 2012; tiền án; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/10/2019 cho đến nay, hiện đang bị tạm giữ tại trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

- Người bị hại: Ông Nguyễn Xuân T1, sinh năm 1968 - Nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện L, tỉnh V, có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1982 - Nơi cư trú: tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh V, vắng mặt.

- Người làm chứng:

Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1946 - Nơi cư trú: tổ dân phố P, thị trấn L, huyện L, tỉnh V, vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1985 - Nơi cư trú: Nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện L, tỉnh V, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14giờ ngày 24/4/2019, Nguyễn Xuân T đang ở nhà một mình thì nảy sinh ý định trộm cắp chiếc ti vi nhãn hiệu Sony màu đen, màn hình phẳng, loại KDL-48W650D của ông Nguyễn Xuân T1 (là bố đẻ ở chung nhà, T không có đóng góp gì trong việc sở hữu chiếc ti vi này) để bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng lúc ông T1 không ở nhà, T trộm chiếc ti vi ôm ra đầu ngõ gần nhà rồi thuê xe taxi (không biết tên người lái taxi và biển kiểm soát xe) chở mang đi tiêu thụ. Trên đường đi, T gọi điện cho anh Nguyễn Văn D ở cùng thôn hỏi: “Có mua hay biết ai cần mua ti vi không”, D hỏi lại: “Ti vi của ai” thì T trả lời: “Ti vi của tao mua trả góp cần tiền nên bán”. Cùng lúc này D đang ngồi uống nước với anh Nguyễn Văn T2 kể lại cho anh T2 biết chuyện T nói có ti vi muốn bán, anh T2 nói đang cần mua ti vi nên lấy số điện thoại gọi cho T hỏi mua ti vi, anh T2 hẹn T mang ti vi đến gần bên xe khách huyện Lập Thạch để mua bán. Khoảng 16 giờ cùng ngày, T mang chiếc ti vi đến gặp anh T2, T nói với anh T2: “ti vi của em mua trả góp cần tiền nên bán”, T bán ti vi cho anh T2 với giá 6.000.000đ và có viết một tờ giấy mua bán, anh T2 giao tiền cho T xong thì gửi lại chiếc ti vi tại gia đình bà Nguyễn Thị Ch, số tiền bán ti vi trộm cắp T đã tiêu xài cá nhân hết. Khi biết là tài sản trộm cắp anh T2 tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc ti vi trên.

Tại Bản kết luận số 265/KL-HĐĐG ngày 26/05/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Lập Thạch kết luận: Trị giá chiếc ti vi của ông Nguyễn Xuân T1 là 8.000.000đ.

Sau khi phạm tội, Nguyễn Xuân T bỏ trốn khỏi địa phương. Công an huyện Lập Thạch ra quyết định truy nã, tạm đình chỉ điều tra vụ án và bị can. Ngày 06/10/2019, T bị bắt và đã khai nhận rõ hành vi trộm cắp ti vi của ông T1 ngày 24/4/2019.

Đối với anh Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ch không biết chiếc ti vi là tài sản do T trộm cắp nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về vật chứng vụ án: Chiếc ti vi nhãn hiệu Sony màu đen, màn hình phẳng, loại KDL-48W650D là của ông Nguyễn Xuân T1. Ngày 19/6/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại ông T1, ông T1 không có yêu cầu gì khác.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T2 yêu cầu bị cáo Toàn bồi thường số tiền 6.000.000đ mua ti vi.

Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý bồi thường cho anh T2 số tiền 6.000.000đ theo yêu cầu của anh T2.

Tại bản cáo trạng số: 79/CT- VKSLT-KT ngày 31 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố Nguyễn Xuân T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội đối với bị cáo Nguyễn Xuân T, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; áp dụng Khoản 1 Điều 173, Điểm i, h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) tháng tù đến 15 (mười năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam; buộc bị cáo bồi thường cho anh T2 số tiền 6.000.000đ; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có lời bào chữa, bổ sung nào khác.

Người tham gia tố tụng: Ông T1 không có đề nghị gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, bị cáo rất hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn T2 vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: anh T2 đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra, yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền 6.000.000đ và tại phiên tòa bị cáo đồng ý theo yêu cầu của anh T2. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng

Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Xuân T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bản kiểm điểm của bị cáo; lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng 14 giờ ngày 24/4/2019, Nguyễn Xuân T đã có hành vi trộm cắp chiếc ti vi nhãn hiệu Sony trị giá 8.000.000đ của ông Nguyễn Xuân T1, sau đó mang bán lấy tiền để tiêu xài cá nhân.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Xuân T đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Điều luật quy định: *“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là táo bạo, gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo không chịu làm ăn chân chính, lười lao động, lợi dụng sơ hở của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, tài sản bị trộm cắp lại chính là của bố đẻ bị cáo, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị thiệt hại không lớn nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, điều kiện nhân thân, hoàn cảnh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, song dù giảm nhẹ cũng phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về áp dụng hình phạt bổ sung: theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*”. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo T thấy rằng: bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, là đối tượng nghiện ma túy và không có tài sản riêng có giá trị lớn. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng vụ án:

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn T2 yêu cầu bị cáo trả lại cho anh 6.000.000 đồng là số tiền anh T2 đã mua ti vi. Tại phiên tòa bị cáo đồng ý trả lại tiền theo yêu cầu của anh T2, nhưng khi nào bị cáo chấp hành xong án thì bị cáo đi làm lúc đó mới có tiền trả lại anh T2. Do vậy, cần buộc bị cáo trả lại cho anh T2 số tiền là 6.000.000 đồng

Về vật chứng vụ án: Xác nhận ngày 19/6/2019, Cơ quan điều tra đã trả lại ông T1 01 chiếc ti vi nhãn hiệu Sony màu đen, màn hình phẳng, loại KDL-48W650D là đúng sở hữu, ông T1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Ch không biết chiếc ti vi là tài sản do T trộm cắp nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm i, h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Xuân T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/10/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 131, Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn T2 số tiền 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, bị cáo không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất với khoản tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự trong án hình sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- Công an huyện Lập Thạch;
- Trại giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- UBND xã X;
- Bị cáo; Bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga